

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2022-2023

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện Quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng chính phủ và Thông tư số 61/2017/TT-BTC, ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

b, Mức thu học phí và các khoản thu khác

*** Năm học 2022-2023**

I. Thu theo quy định

1. Học phí. Mức thu: 203.000đ/học sinh/tháng

II. Thu theo thỏa thuận

1. Tiền ăn: 22.000đ/học sinh/ngày (trong đó tiền ăn: 20.000đ/ngày, chất đốt-chất đốt: 2.000đ/ngày)

2. Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú:

- Trẻ tuyển mới, trang bị lần đầu: Mức thu: 360.000đ/trẻ/năm.

- Trẻ cũ đã đi học: Mức thu: 200.000đ/trẻ/năm.

3. Tiền chăm sóc bán trú (Cô nuôi, quản lý. Mức thu: 150.000đ/trẻ/tháng.

4. Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính: Mức thu: 200.000đ/ học sinh/ tháng

5. Trông trẻ ngày thứ 7. Mức thu: 200.000đ/học sinh/ tháng

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh, sinh viên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

* Năm học 2022-2023		
I. Học phí :	420.210.000	
1. Chi thanh toán cá nhân:	168.084.000	
2. Chi nghiệp vụ chuyên môn:	110.063.000	
3. Chi mua sắm, sửa chữa lớn	142.063.000	
II. Trông trẻ ngày thứ 7:	270.000.000	
1. Chi thanh toán cá nhân:	189.000.000	



2. Chi mua sắm csvc	54.000.000	
3. Chi khác:	27.000.000	
III. Đồ dùng trang thiết bị phục vụ bán trú.	55.200.000	
Chi mua khăn mặt, đồ dùng vệ sinh, bát thìa, nồi chảo, chăn, chiếu, giường phục vụ ăn ngủ của trẻ:	55.200.000	
IV. Chi chăm sóc bán trú	270.0000.000	
V. Chi tiền quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	360.000.000	
VI. Tiền ăn	910.800.000	

* Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý:

- Mức cao nhất: 11.515.500 đ
- Mức bình quân: 7.554.300đ
- Mức thấp nhất: 3.000.000đ

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

* Kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:

- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo: 4.836.000đ
- Miễn, giảm học phí: 5.400.000đ

* Chính sách thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo: 04 học sinh
- Miễn, giảm học phí: 04 học sinh

Minh Đức, ngày/đtháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

 Phạm Thị Nhung